

Bản án số: 47/2020/DSST

Ngày: 17/9/2020

V/v: “*T/c chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà Nguyễn Thị Hằng Nga

- Bà Trịnh Thị Mai Hương

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyền Mộc

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyền Mộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐST-DS ngày 26/8/2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ngân hàng A.

Địa chỉ: Tòa nhà A, số 109 đường B, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn N – Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu.

Ông Hoàng Văn N ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Thành L, Giám đốc phòng giao dịch Xuyền Mộc (có đơn xin xét xử vắng mặt) và ông Mai Kim B, chuyên viên khách hàng phòng giao dịch Xuyền Mộc (có mặt).

Theo văn bản ủy quyền số 04/2020/QĐ-LPBT ngày 06 tháng 3 năm 2020

**\* Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm: 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 11 năm 2019, bản khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, đại diện theo giấy ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 27/4/2017, Ngân hàng A (viết tắt: ngân hàng A) và ông Nguyễn Hữu L ký hợp đồng tín dụng số: HD..... Theo nội dung hợp đồng thì phía ngân hàng A cho ông L vay số tiền 170.000.000đ; mục đích vay là mua sắm phương tiện đi lại; thời hạn vay là 30 tháng; phương thức cho vay: từng lần; lãi suất trong hạn: 13%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; gốc và lãi trả vào ngày 20 tây hàng tháng; hình thức bảo đảm khoản vay: cho vay không thế chấp tài sản bảo đảm.

Từ ngày vay cho đến ngày 30/01/2020, ông L đã thanh toán cho ngân hàng tổng cộng 29 kỳ, mỗi kỳ là 4.723.000đ với tổng số tiền nợ gốc là 136.967.000đ và 32.607.715đ tiền lãi; từ ngày 31/01/2020 cho đến nay ông L không tiếp tục thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng A theo như các thỏa thuận trong hợp đồng nói trên. Ngân hàng đã nhắc nhở, đôn đốc nhưng ông L vẫn không thanh toán nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng A xác định, ông L còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là 39.279.976đ; trong đó: nợ gốc là 33.033.000đ, nợ lãi trong hạn là 1.551.454đ và lãi quá hạn là 4.695.522đ, lãi tạm tính đến ngày 17/9/2020. Đại diện Ngân hàng A yêu cầu ông L phải thanh toán toàn bộ số nợ trên và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 18/9/2020 cho đến khi ông L trả xong nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu L, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng, cụ thể như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về việc mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử để ông L thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do.

### **XÉT THẤY**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Ngân hàng A khởi kiện ông Nguyễn Hữu L, để yêu cầu ông L phải trả nợ cho ngân hàng, theo hợp đồng tín dụng số: HD..... ngày 24/7/2017, đây được xác định là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, ông L có hộ khẩu thường trú tại: khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền

giải quyết của tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Hữu L vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1] *Yêu cầu đối với khoản nợ gốc*:

Căn cứ lời khai đại diện theo giấy ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp thì xác định: ông Nguyễn Hữu L đã vay của Ngân hàng A số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng), theo hợp đồng tín dụng số: HD..... ngày 24/7/2017, giữa Ngân hàng và ông L. Từ khi vay cho đến nay, ông L đã thanh toán cho Ngân hàng A 136.967.000đ tiền nợ gốc và 32.607.715đ tiền lãi, từ ngày 31/01/2020 cho đến nay ông L không tiếp tục thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo như các thỏa thuận trong hợp đồng nói trên. Mặc dù, phía ngân hàng đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu ông L trả nợ và tạo điều kiện về mặt thời gian để ông L trả nợ nhưng ông L không trả nợ theo thỏa thuận nên ngân hàng khởi kiện.

Xét hợp đồng tín dụng số: HD..... ngày 24/7/2017 giữa Ngân hàng A và ông L đã ký kết là đúng quy định của pháp luật. Hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng là hợp pháp và là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện. Ngân hàng A đã giải ngân và ông L đã nhận 170.000.000đ tiền vay như thỏa thuận, việc giao nhận tiền được thể hiện tại hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số HD..... ngày 27/4/2017. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ lãi*:

Căn cứ vào bảng kê tính lãi của ngân hàng A ngày 17/9/2020 thì nợ lãi là 6.246.976đ, trong đó: nợ lãi trong hạn là 1.551.454đ và lãi quá hạn là 4.695.522đ, nên ngân hàng A yêu cầu ông L phải trả toàn bộ số tiền lãi nói trên cho ngân hàng. Đồng thời yêu cầu ông L tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay từ ngày 18/9/2020 đến khi ông L trả xong nợ là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng A về việc: buộc ông L phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền là: 39.279.976đ; trong đó: nợ gốc là 33.033.000đ, nợ lãi trong hạn là 1.551.454đ và lãi quá hạn là 4.695.522đ, lãi tạm tính đến ngày 17/9/2020 và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay từ ngày 18/9/2020 đến khi ông L trả xong nợ.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 317; Điều 318; Điều 500 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A (viết tắt: Ngân hàng A).

2/ Buộc ông Nguyễn Hữu L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A (viết tắt: Ngân hàng A) tổng số tiền là: 39.279.976đ (ba mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi chín ngàn, chín trăm bảy mươi sáu đồng); trong đó: nợ gốc là 33.033.000đ (ba mươi ba triệu, không trăm ba mươi ba ngàn đồng), nợ lãi trong hạn là 1.551.454đ (một triệu, năm trăm năm mươi một ngàn, bốn trăm năm mươi bốn đồng) và lãi quá hạn là 4.695.522đ (bốn triệu, sáu trăm chín mươi lăm ngàn, năm trăm hai mươi hai đồng), lãi tạm tính đến ngày 17/9/2020 và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay từ ngày 18/9/2020 đến khi ông L trả xong nợ.

Kể từ ngày 17/9/2020, ông Nguyễn Hữu L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số: HD..... ngày 24/7/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

3/ Về án phí: ông Nguyễn Hữu L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 1.963.988 (một triệu, chín trăm sáu mươi ba ngàn, chín trăm tám mươi tám đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.200.000đ (một triệu, hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí số 0003806 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.*

4/ Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh BR - VT
- VKS ND huyện Xuyên Mộc;
- THADS huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy**